

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG KHÁCH

**HH-LMZ100988**

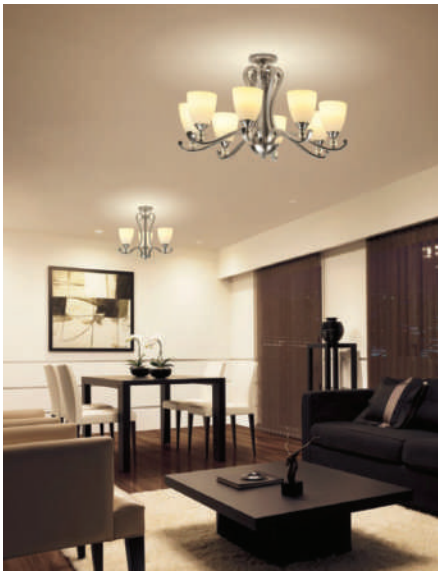
- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 61W (36W đèn + 25W quạt)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø594xH158mm
- Trọng lượng: 4.3kg
- Quang thông: 2600lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa

15.740.000**HH-LAZ167088**

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø607mm/H99mm
- Trọng lượng: 5kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền bạc

5.780.000

ĐÈN TRANG TRÍ

**HH-LM800388**

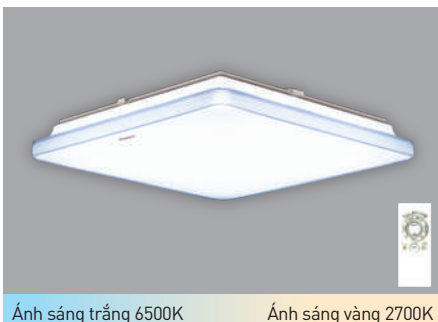
- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø808mm/H480mm
- Trọng lượng: 12.45kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x8
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

15.970.000**HH-LM500388**

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø625mm/H465mm
- Trọng lượng: 8.95kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x5
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

9.960.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG NGỦ

**HH-XQ254088**

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/AC220-240V
- Kích thước: L470xW470xH113mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng công tắc đổi màu 2700K-5000K-6500K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền vân trong

2.600.000**HH-XZ351888**

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: Ø555xH170mm
- Trọng lượng: 3.3kg
- Quang thông: 2400lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa

3.900.000**HH-XZ352888**

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: Ø550xH100mm
- Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 2400lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa, khung đèn kim loại màu trắng

4.720.000

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG NGỦ



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ181488

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø480mm/H80mm
- Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại trắng hoa tuyết

3.950.000



Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ175088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø512mm/H108mm
- Trọng lượng: 3kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung nhựa màu hồng

5.630.000



Ánh sáng trắng 5000K

HH-LA1638DB88

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L490xW490xH112.5mm
- Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, góc viền trang trí nhựa sơn ánh kim

3.600.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO LỐI ĐI, PHÒNG TẮM, HÀNH LANG, BAN CÔNG



HH-XQ140188 - Ánh sáng trung tính 4000K HH-XQ140288 - Ánh sáng trắng 6500K

- Diện tích chiếu sáng: 4-8 m²
- Công suất 12W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước lỗ: Ø265mm
- Quang thông: 830lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic
- Sử dụng cho lối đi, hành lang, ban công

540.000



HH-XQ240188 - Ánh sáng trung tính 4000K HH-XQ240288 - Ánh sáng trắng 6500K

- Diện tích chiếu sáng: 6-10 m²
- Công suất 18W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước lỗ: Ø340mm
- Quang thông: 1200lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic
- Sử dụng cho lối đi, hành lang, ban công

640.000

HH-XQ240388 - Ánh sáng trung tính 4000K HH-XQ240488 - Ánh sáng trắng 6500K

- Diện tích chiếu sáng: 8-12 m²
- Công suất 24W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước lỗ: Ø430mm
- Quang thông: 1600lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic
- Sử dụng cho lối đi, hành lang, ban công

740.000



Ánh sáng trắng 6500K

HH-LA0606CC88

- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất 8W/0.07A/AC220-240V
- Kích thước: 209XW209xH68.5mm
- Trọng lượng: 0.67kg
- Quang thông: 550lm - 68.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

1.060.000



Ánh sáng trắng 6500K

HH-LA1038CC88

- Diện tích chiếu sáng: 4-8m²
- Công suất 11W/0.1A/AC220-240V
- Kích thước: Ø317mm/H80mm
- Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 1000lm - 90.9lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền màu bạc

1.760.000



Ánh sáng trắng 6500K

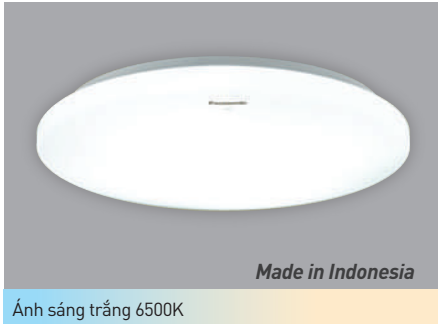
HH-LA0417CB88

- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất 5W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø200mm/H80mm
- Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 350lm - 70lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

570.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG TẮM, BAN CÔNG



NNP52600

1.100.000

- Diện tích chiếu sáng: 4-8m²
- Công suất: 15W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø300mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1127lm - 82.31lm/W - CRI: Ra80

NNP52700

1.415.000

- Diện tích chiếu sáng: 4-10m²
- Công suất: 20W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø400mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1502lm - 78.21lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Sản xuất tại Indonesia



HH-LA0619CC88

- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất: 8W/0.07A/AC220-240V
- Kích thước: Ø258mm/H68.5mm
- Trọng lượng: 0.73kg
- Quang thông: 550lm - 68.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Độ kín nước IP64

1.340.000

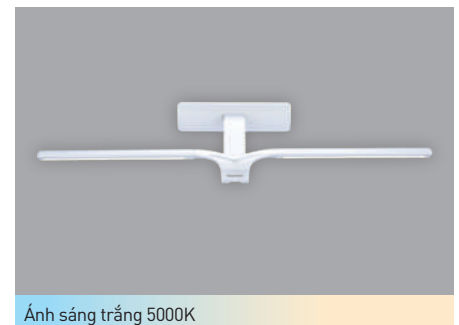
ĐÈN CHIẾU GƯƠNG LED



HH-LW0412488

- Công suất: 9W/ AC220-240V
- Kích thước: L675xW230xH205mm
- Trọng lượng: 1.3kg
- Quang thông: 700lm - Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa

1.900.000



HH-LW0512388

- Công suất: 10W/0.09A/ AC 220 - 240V
- Kích thước: L585xW230xH125mm
- Trọng lượng: 0.67kg
- Quang thông: 700lm - Ra85
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Kim loại màu bạc, chóa đèn bằng nhựa

1.990.000

ĐÈN TREO BÀN ĂN



HH-LB3090888

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø493mm
- Trọng lượng: 5kg
- Tầm treo 1,100mm - 1,200mm
- Chất liệu: Đế đèn kim loại, chóa đèn thủy tinh

5.530.000



HH-LM101888

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø480mm
- Trọng lượng: 3.1kg
- Tầm treo 400mm-1,960mm
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

4.620.000



HH-LB1050388

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø390mm
- Trọng lượng: 2.2kg
- Tầm treo 1,100mm-1,200mm
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

2.240.000

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

ĐÈN THẢ

NEW



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LB1051288

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- Kích thước: W610xL270xH380mm
- Trọng lượng: 3,9kg
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu đen

3.500.000



Ánh sáng vàng 3000K

HH-LB1090388 (Màu trắng)
HH-LB1090588 (Màu đỏ)

- Công suất: 17W/0.137A/AC220-240V
- Kích thước: Ø140mm/H30mm
- Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1000lm - 58.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa acrylic

5.910.000

NEW



Ánh sáng vàng 3000K

HH-LW250588

- Công suất: 21W/AC220-240V
- Kích thước: Ø670mm/H178mm
- Trọng lượng: 3.7kg
- Quang thông: 1,500lm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa, chụp ngoài bằng kim loại

4.700.000



Ánh sáng vàng 2700K

HH-LB1050188 (Màu trắng)

HH-LB1050288 (Màu đỏ)

- Công suất: 8W/0.13A/AC220-240V
- Kích thước: Ø500mm/H110mm
- Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1000lm - 56lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa acrylic, chụp ngoài bằng kim loại

5.610.000



Ánh sáng trắng 5000K

HH-LA202988

- Công suất 32W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: Ø558mm
- Đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tầm treo: 900mm - 1,200mm
- Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 2,550lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Nhựa trong

6.910.000



Ánh sáng vàng 3000K

HH-LB1150188

- Công suất: 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L540xW540xH104mm
- Trọng lượng: 6.2kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Tầm treo 400mm-1960mm
- Chất liệu: Nhựa màu trắng sữa

13.310.000

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM

NEW



Ánh sáng trắng 6500K Ánh sáng vàng 3000K

HH-LA606188

- Thích hợp cho phòng khách, phòng ăn
- Công suất 64W/0.36A/AC220-240V
- Kích thước: Ø787mm / Trọng lượng: 10.5kg
- Đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tầm treo: 400mm - 700mm
- Quang thông: 5100lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Dùng công tắc lắp tường để điều chỉnh độ chiếu sáng (bật 6 đèn/ bật 3 đèn trắng/ bật 3 đèn vàng)
- Chất liệu: Nhựa trong

13.850.000

NNNC7601288 (Màu trắng - Ánh sáng vàng 3000K)

NNNC7606288 (Màu trắng - Ánh sáng trắng 6500K)

NNNC7601388 (Màu đen - Ánh sáng vàng 3000K)

NNNC7606388 (Màu đen - Ánh sáng trắng 6500K)

- Công suất 7W
- CRI: Ra80
- Kích thước: L144xW95xH68mm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Xoay góc chiếu 180 độ
- Chụp đèn sơn tĩnh điện

490.000

NEW



RAIL-2-10-W88/B88

Thanh ray gắn đèn chiếu điểm
220-230V 6A/1m, màu trắng/đen

490.000

CON-2-180-W88/B88

Đầu nối chữ L trắng/đen

160.000

CON-2-90-W88/B88

Đầu nối chữ L trắng/đen

190.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN TƯỜNG TRANG TRÍ



Ánh sáng vàng 3000K

HH-BW050088

- Công suất 6W
- Kích thước: L315xW155xH115mm
- Quang thông: 360lm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng sữa

1.800.000

Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

HH-LW60105K88

(Ánh sáng trắng 6500K)

HH-LW60205K88

(Ánh sáng vàng 3000K)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: L168xW168xH96mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
- Viên vuông xám khói

1.195.000

Ánh sáng trắng 6500K

Ánh sáng vàng 3000K

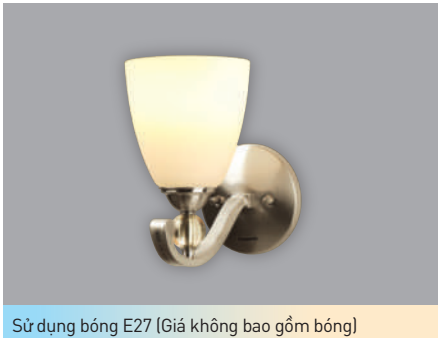
HH-LW60107K88

(Ánh sáng trắng 6500K)

HH-LW60207K88

(Ánh sáng vàng 3000K)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: L168xW168xH96mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
- Viên vuông trắng nhám

1.195.000

Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM100388

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max11Www)/AC220-240V
- Kích thước: Ø134mm/H226mm
- Trọng lượng: 1.95kg
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

1.650.000

Ánh sáng trắng 5000K

HH-LW100088

- Công suất 5W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø240mm - Trọng lượng: 1.5 kg
- Quang thông: 340lm - 70lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Nhựa trong

1.970.000

*Thiết kế tinh tế
phù hợp với mọi góc phòng*

ĐÈN PHA LED FLOOD LIGHT - IP65

NEW**CRI: Ra80 - Tuổi thọ: 25,000 giờ****Chất liệu: Kính cường lực và hợp kim nhôm ADC12****Công suất 10W - 220V**

Kích thước: L114xW30xH109mm

NNYC2011188 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K**NNYC2016188** - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K**250.000****Công suất 20W - 220V**

Kích thước: L138xW30xH127mm

NNYC2011288 - 1800lm - Ánh sáng vàng 3000K**NNYC2016288** - 1800lm - Ánh sáng trắng 6500K**350.000****Công suất 30W - 220V**

Kích thước: L167xW31xH162mm

NNYC2011388 - 2700lm - Ánh sáng vàng 3000K**NNYC2016388** - 2700lm - Ánh sáng trắng 6500K**540.000****Công suất 50W - 220V**

Kích thước: L197xW35xH174mm

NNYC2011588 - 4500lm - Ánh sáng vàng 3000K**NNYC2016588** - 4500lm - Ánh sáng trắng 6500K**790.000**

**Bền hơn với
kính cường lực**



ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20,000 giờ



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT0421 (Trắng)

- Công suất: 7.5W/AC220-240V
- Kích thước: L175xW175xH470mm
- Nhiệt độ màu: Ánh sáng trung tính 4000K
- Điều chỉnh sáng 6 cấp độ

1.850.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT0523 (Trắng)

- Công suất: 17W/AC220-240V
- Kích thước: L176xW188xH418mm
- Nhiệt độ màu: Ánh sáng trung tính 4000K
- Điều chỉnh sáng 6 cấp độ

2.950.000



Ánh sáng trung tính 4000K

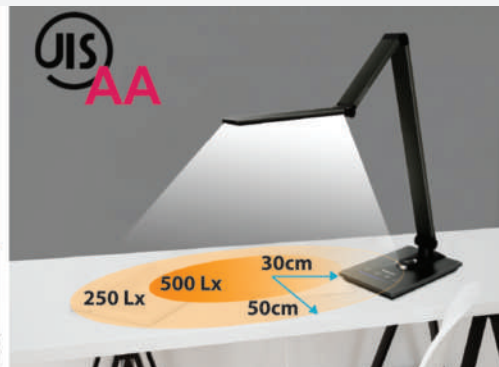
HH-LT0623

- Công suất: 19W/AC220-240V
- Kích thước: L200xW200xH430mm
- Quang thông: 800lm
- Cảm ứng điều chỉnh độ sáng
- Chip LED RG0 loại bỏ ánh sáng xanh
- Nhiều chế độ chiếu sáng tích hợp
- CRI: Ra90

3.950.000

Tiêu chuẩn **JIS A/AA** hàng đầu Nhật Bản

JIS: Japanese Industrial Standard



JIS A/AA là tiêu chuẩn hàng đầu Nhật Bản với sự kết hợp gồm nhiều yếu tố về độ sáng tiêu chuẩn, phân bố ánh sáng tỏa đều, màu sắc chân thực và chống bức xạ mắt. Tạo điều kiện ánh sáng lý tưởng cho mắt tập trung học tập và làm việc.



Bạn có biết về tiêu chuẩn AA?

Các nhà nghiên cứu đã chứng minh được rằng sự kết hợp giữa độ sáng 500lx và nhiệt độ màu từ 5000K là điều kiện lý tưởng để học tập và làm việc, cũng điều kiện chiếu sáng cực tốt 50cm, dưới điều kiện này, mắt bạn sẽ có những trải nghiệm tốt nhờ ít mỏi mắt và độ tập trung cao hơn.



Ánh sáng trung tính 5000K

NNP61922 (Xanh)
NNP61923 (Bạc)
NNP61925 (Xám)

- Công suất: 6W/AC220-240V
- Kích thước: L436xW160xH160mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng với 6 cấp độ
- Loại bỏ ánh sáng xanh gây hại mắt
- Đầu đèn có thể xoay được 90 độ

1.780.000



Ánh sáng trắng 6500K Ánh sáng vàng 2700K

NNP63933 (Bạc)
NNP63934 (Vàng)
NNP63935 (Xám)

- Công suất: 14W (thấp sáng 9W/sạc điện 5W)/AC220-240V
- Kích thước: L210xW140xH480mm - Trọng lượng: 1.46kg
- Quang thông: 350lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Loại bỏ ánh sáng xanh gây hại mắt
- Cổng USB có thể sử dụng để sạc cho thiết bị điện tử

2.950.000



Ánh sáng trắng 5000K Ánh sáng vàng 2700K

SQ - LE530K - N (Vàng đồng)
SQ - LE530K - W (Trắng)

- Công suất: 7W/AC100-240V
- Kích thước: W66 (cần đèn) x H314mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm (2700K) 350lm (5000K) - CRI: Ra83
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng với 5 cấp độ
- Đổi màu đèn LED bằng cách đóng hoặc mở cần đèn

3.850.000

ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20,000 giờ



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT062919 (Đen)
HH-LT062819 (Trắng)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L108xW90xH526mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

880.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT033619

- Công suất: 4.7W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: L108xW90xH526mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 100lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Hộp chân đèn thích hợp nhiều công năng sử dụng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

895.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT023219

- Công suất: 3.7W/0.06A/ AC 220 - 240V
- Kích thước: L120xW83xH475mm - Trọng lượng: 0.3 kg
- Quang thông: 100lm - 27 lm/W - CRI: Ra80
- 3 mức điều chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Chân đèn có kẹp thích hợp cho nhiều vị trí sử dụng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

895.000



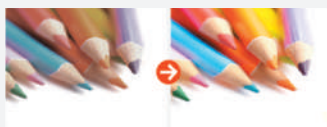
ÁNH SÁNG ĐỒNG NHẤT

Loại bỏ hiện tượng bóng nhòa bảo vệ đôi mắt sáng



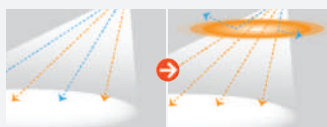
ÁNH SÁNG TỎA ĐỀU

Phân bố ánh sáng lan tỏa của Panasonic có bán kính đến 50cm chiếu sáng nhẹ nhàng và tỏa đều



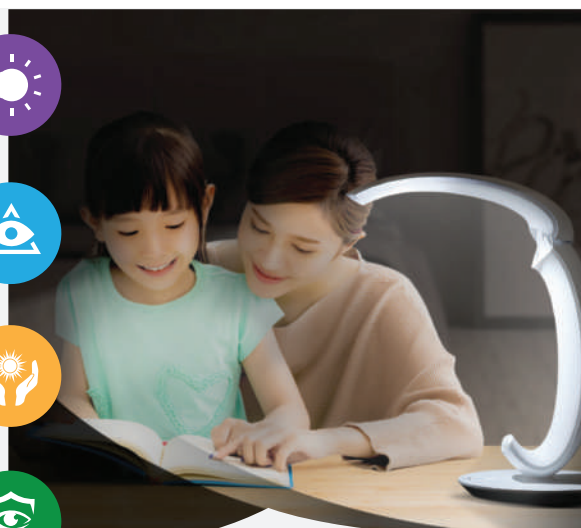
ÁNH SÁNG TỰ NHIÊN

Công nghệ loại bỏ ánh xanh, tạo ánh sáng tiêu chuẩn R80 gần với ánh sáng tự nhiên nhất



CHỐNG MỎI MẮT

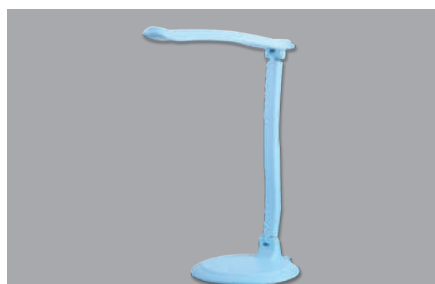
Với mục tiêu hướng đến khách hàng, Panasonic đã kết hợp công nghệ loại bỏ ánh sáng xanh cùng với màn bảo vệ cho đôi mắt sáng toàn diện.



Đạt tiêu chuẩn



hàng đầu Nhật Bản



Ánh sáng trắng 5700K

NNP60900 (Trắng)
NNP60902 (Xanh)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L325xW280xH150mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

960.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT062019

- Công suất: 6W/0.05A/AC220-240V
- Kích thước: L177xW177xH468mm - Trọng lượng: 0.86kg
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng (10% - 100%) bằng cảm ứng
- Đầu đèn có thể xoay 180°, thân đèn gập 45°

1.320.000



Ánh sáng trung tính 5000K

HH-LT0220P19 (Trắng)
HH-LT0221P19 (Đen)
HH-LT0222P19 (Hồng)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L160xW147xH370mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

1.400.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

LED DOWNLIGHT - Tuổi thọ 25,000 giờ - CRI: Ra80

Đèn LED Downlight dày đổi màu - Góc chiếu 90°

NDL05C Công suất 5W - 220V
 Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
 Quang thông: 430lm - 460lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6000K
 Đóng gói: 40 cái/thùng **296.000**

NDL08C Công suất 8W - 220V
 Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
 Quang thông: 730lm - 780lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6000K
 Đóng gói: 40 cái/thùng **315.000**

NDL12C Công suất 12W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
 Quang thông: 1120lm - 1200lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6000K
 Đóng gói: 40 cái/thùng **440.000**

NDL14C Công suất 14W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
 Quang thông: 1300lm - 1400lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6000K
 Đóng gói: 40 cái/thùng **480.000**



Công suất 5W - 220V
 Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
NDL0539 - 430lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL0549 - 460lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL0569 - 460lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng **220.000**



Công suất 8W - 220V
 Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
NDL083 - 730lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL084 - 780lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL086 - 780lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng **233.000**

Công suất 12W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
NDL123 - 1120lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL124 - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL126 - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng **334.000**

Công suất 14W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
NDL143 - 1240lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL144 - 1330lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL146 - 1330lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 40 cái/thùng **350.000**

LED SLIM DOWNLIGHT - Tuổi thọ 25,000 giờ - CRI: Ra80

Đèn LED Downlight siêu mỏng cảm biến - Góc chiếu: 120°

* Đèn tự động bật khi trời tối và có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến

NSD096S Công suất 9W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
 Ánh sáng trắng 6500K / Quang thông: 630lm
 Đóng gói: 30 cái/thùng **395.000**

NSD126S Công suất 12W - 220V
 Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
 Ánh sáng trắng 6500K / Quang thông: 840lm
 Đóng gói: 24 cái/thùng **430.000**



* Dự kiến có hàng tháng 04/2020
NSD093S Công suất 9W - 220V/50Hz - 60Hz
 Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
 Ánh sáng vàng 3000K / Quang thông: 630lm
 Đóng gói: 30 cái/thùng **395.000**

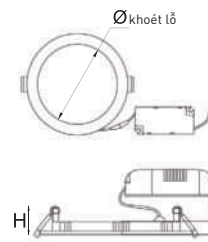
NSD123S Công suất 12W - 220V/50Hz - 60Hz
 Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
 Ánh sáng vàng 3000K / Quang thông: 840lm
 Đóng gói: 24 cái/thùng **430.000**

Đèn LED Downlight siêu mỏng đổi màu - Góc chiếu: 120°

NSD06C1 Công suất 6W - 220V
 Kích thước: Ø120mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø110mm/H: 22mm
 Quang thông: 420lm - 462lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 36 cái/thùng **185.000**

NSD09C1 Công suất 9W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
 Quang thông: 630lm - 693lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 30 cái/thùng **270.000**

NSD12C1 Công suất 12W - 220V
 Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
 Quang thông: 824lm - 840lm
 Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
 Đóng gói: 24 cái/thùng **320.000**



Công suất 6W - 220V
 Kích thước: Ø120mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø110mm/H: 22mm
NSD0631 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD0641 - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD0661 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 36 cái/thùng **164.000**

Công suất 9W - 220V
 Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
NSD0931 - 600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD0941 - 620lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD0961 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 30 cái/thùng **198.000**

Công suất 12W - 220V
 Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
 Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
NSD1231 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD1241 - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD1261 - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
 Đóng gói: 24 cái/thùng **240.000**

Đèn LED Downlight siêu mỏng - Góc chiếu: 120°

* Đóng gói: 40 cái / thùng

Mã số	Công suất (W)	Kích thước (mm)	Kích thước khoét lỗ (mm)	Ánh sáng	Đổi màu	
NSD12C	12W	Ø174 H:30	Ø160 H:30		•	320.000
NSD124	12W	Ø174 H:30	Ø160 H:30	Trung tính		240.000
NSD126	12W	Ø174 H:30	Ø160 H:30	Trắng		240.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng - Góc chiếu: 120°

* Đóng gói: 40 cái / thùng

Mã số	Công suất (W)	Kích thước (mm)	Kích thước khoét lỗ (mm)	Ánh sáng	
NSD094	9W	Ø145 H:30	Ø135 H:30	Trung tính	198.000
NSD063	6W	Ø120 H:30	Ø110 H:30	Vàng	164.000
NSD093	9W	Ø145 H:30	Ø135 H:30	Vàng	198.000

(* Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

Góc chiếu 120°
Chất liệu: Nhựa PC

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

Công suất 7W - 220V
Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 45mm
NED073 - 560lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED074 - 560lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED076 - 560lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

150.000

Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 45mm
NED093 - 666lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED094 - 666lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED096 - 666lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

172.000

Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø140mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 45mm
NED123 - 980lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED124 - 980lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED126 - 980lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

199.000

Công suất 15W - 220V
Kích thước: Ø170mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø145mm/H: 45mm
NED153 - 1250lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED154 - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED156 - 1250lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

252.000

ĐÈN LED DOWNLIGHT - ECO SERIES

Tuổi thọ 15,000 giờ - CRI: Ra80

Góc chiếu 120°
Chất liệu: Nhựa PC

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

Công suất 18W - 220V
Kích thước: Ø170mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø145mm/H: 45mm
NED183 - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED184 - 1500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED186 - 1500lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

275.000

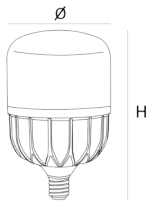
Công suất 24W - 220V
Kích thước: Ø220mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø195mm/H: 45mm
NED243 - 2100lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED244 - 2100lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED246 - 2100lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

372.000



BÓNG LED BULB TRỤ E27

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ - Góc chiếu 280°
Chất liệu: Chóa nhựa trắng, thân đèn nhôm bạc nhựa



Công suất: 20W - 220V
Kích thước: Ø70mm/H123mm
NLB203 - 1600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

140.000

Công suất: 30W - 220V
Kích thước: Ø80mm/H141mm
NLB303 - 2400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

186.000

Công suất: 40W - 220V
Kích thước: Ø100mm/H168mm
NLB403 - 3200lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB404 - 3200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB406 - 3200lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 12 cái/thùng

260.000

Công suất: 50W - 220V
Kích thước: Ø118mm/H194mm
NLB503 - 4000lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 12 cái/thùng

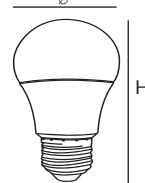
360.000

Công suất: 60W - 220V
Kích thước: Ø138/H222mm
NLB603 - 4800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB604 - 4800lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB606 - 4800lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 6 cái/thùng

450.000

BÓNG LED BULB CÔNG SUẤT NHỎ E27

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ - Góc chiếu 280°
Chất liệu: nhựa PC



Công suất: 3W - 220V
Kích thước: Ø45mm/H86mm
NLB033 - 250lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB036 - 250lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

49.500

Công suất: 5W - 220V
Kích thước: Ø55mm/H101mm
NLB053 - 450lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB056 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

57.000

Công suất: 7W - 220V
Kích thước: Ø55mm/H116mm
NLB073 - 600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB076 - 600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

62.000

Công suất: 9W - 220V
Kích thước: Ø60mm/H116mm
NLB093 - 806lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB096 - 806lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

74.000

Công suất: 11W - 220V
Kích thước: Ø60mm/H116mm
NLB113 - 1055lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB116 - 1055lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

84.000

Công suất: 14W - 220V
Kích thước: Ø70mm/H135mm
NLB143 - 1521lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB146 - 1521lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

118.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

LED EXIT - Đèn thoát hiểm LED

NEW



NEX2108C - Đèn thoát hiểm LED

- Công suất: 5.5W/AC220-240V/50Hz-60Hz, 0.05A
- Kích thước: 290mm x 182mm x 42mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Pin: Lithium 3.2V/1.5Ah
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Độ rọi: 500 cd/m² - Nguồn sáng: SMD LED WHITE - 6500K
- Khoảng cách nhìn thấy: 24m
- Cấp độ bảo vệ: IP20
- Chất liệu: Nhựa PC
- Đóng gói: 12 cái/ thùng
- Không bao gồm hình chỉ hướng

466.000

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

Sản phẩm dùng kèm đèn LED thoát hiểm

Hình chỉ hướng

	NEXF-L (1 mặt trái)	14.000		NEXF-TL (1 mặt toilet trái)	14.000
	NEXF-R (1 mặt phải)	14.000		NEXF-TR (1 mặt toilet phải)	14.000
	NEXF-D (1 mặt xuống)	14.000		NEXF-TD (1 mặt toilet xuống)	14.000
	NEXF-U (1 mặt lên)	14.000		NEXF-TU (1 mặt toilet lên)	14.000
	NEXF-LR (1 mặt trái & phải)	14.000		NEXF-E (Đèn báo Exit)	14.000

Bộ phụ kiện gắn tường



NEXA-W
Gồm 2 bộ pát gắn tường

10.000

Bộ phụ kiện gắn treo trần



NEXA-C
Gồm 2 bộ dây treo trần

40.000

LED EMERGENCY - Đèn chiếu sáng khẩn cấp LED

NEW

NEM2135 - Đèn LED chiếu sáng khẩn cấp

- Công suất: 3.5W/AC220-240V/50Hz-60Hz
- Công suất dự trữ: 2.5W
- Kích thước: 280mm x 280mm x 78mm - Trọng lượng: 1kg
- Pin: Lithium 3.7V/2.2A
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: 180lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chóa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

490.000



* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

NEW

LED HIGHBAY - Đèn nhà xưởng LED

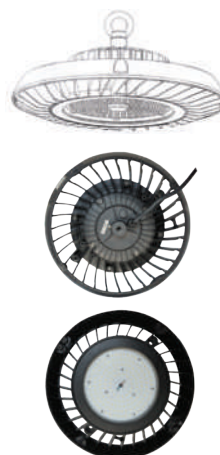
Kích thước: Ø330mm/H: 125mm
IP65, 100 - 240V 50/60Hz
Ánh sáng trắng 5700K
Đóng gói: 1 cái/thùng

NHB0906 - 10800lm - Công suất 90W	3.900.000
NHB1206 - 14400lm - Công suất 120W	4.320.000
NHB1506 - 18000lm - Công suất 150W	4.700.000

Kích thước: Ø400mm/H: 141mm
IP65, 100 - 240V 50/60Hz
Ánh sáng trắng 5700K
Đóng gói: 1 cái/thùng

NHB1806 - 21600lm - Công suất 180W	5.850.000
NHB2106 - 25200lm - Công suất 210W	6.200.000
NHB2406 - 28800lm - Công suất 240W	6.600.000

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020



ĐÈN LED PANEL ỐP TRẦN NỔI

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco



Đèn Panel ốp trần nổi loại vuông
CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°
Tuổi thọ 25,000 giờ
Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 12W - 220V
Kích thước: L162xW162xH30mm
NPL123S - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL124S - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL126S - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng

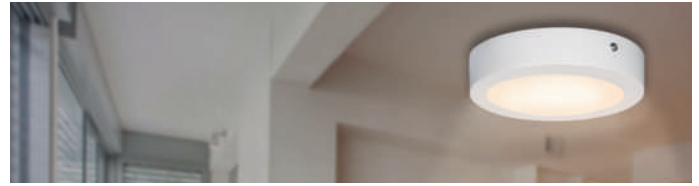
370.000

Công suất: 18W - 220V
Kích thước: L213xW213xH30mm
NPL183S - 1170lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL184S - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL186S - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng

480.000

Công suất: 24W - 220V
Kích thước: L288xW288xH32mm
NPL243S - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL244S - 1550lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL246S - 1850lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

699.000



Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn
CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°
Tuổi thọ 25,000 giờ
Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 6W - 220V
Kích thước: Ø118mm/H: 30mm
NPL063R - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL064R - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL066R - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

248.000

Công suất: 12W - 220V
Kích thước: Ø164mm/H: 30mm
NPL123R - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL124R - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL126R - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng

350.000

Công suất: 18W - 220V
Kích thước: Ø214mm/H: 30mm
NPL183R - 1170lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL184R - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL186R - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng

407.000

Công suất: 24W - 220V
Kích thước: Ø288mm/H: 32mm
NPL243R - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL244R - 1550lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL246R - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

640.000



ĐÈN LED PANEL OFFICE

Đèn Panel Office ốp trần loại tấm
CRI: Ra80 - Tuổi thọ 30,000 giờ
Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 18W - 220V
Kích thước: L295xW295xH8.8mm
NPL30303 - 1600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL30304 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL30306 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

565.000

Công suất: 24W - 220V
Kích thước: L295xW595xH8.8mm
NPL30603 - 2100lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL30604 - 2100lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL30606 - 2100lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 5 cái/thùng

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

655.000

Công suất: 40W - 220V
Kích thước: L595xW595xH8.8mm
NPL60603 - 3600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL60604 - 3600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL60606 - 3600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 5 cái/thùng

900.000

Công suất: 40W - 220V
Kích thước: L295xW1195xH9.4mm
NPL30123 - 3600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL30124 - 3600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL30126 - 3600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 5 cái/thùng

980.000

Công suất: 60W - 220V
Kích thước: L595xW1195xH9.4mm
NPL60123 - 5400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL60124 - 5400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL60126 - 5400lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 4 cái/thùng

* Dự kiến có hàng tháng 04/2020

2.350.000



PHỤ KIỆN DÙNG CHO PANEL OFFICE



NPL-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần

27.000



NPL-H4
Bộ 4 dây đèn gắn treo trần

44.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN PHA LED FLOOD LIGHT - IP65

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25,000 giờ - Góc chiếu 110°

Chất liệu: Thân đèn kim loại, chóa đèn mica



Công suất 10W - 220V

Kích thước: L117xW27xH138mm/ Trọng lượng: 0.29kg

NLF1103 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1104 - 800lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1106 - 800lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 12 cái/thùng

220.000

Công suất 20W - 220V

Kích thước: L134xW27xH159mm/ Trọng lượng: 0.37kg

NLF1203 - 1600lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 12 cái/thùng

300.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 30,000 giờ - Góc chiếu 110°

Chất liệu: Thân đèn kim loại, chóa đèn mica



Công suất 100W - 220V

Kích thước: L220xW68xH282mm/ Trọng lượng: 1.65kg

NLF1003 - 8500lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1004 - 8500lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1006 - 8500lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 6 cái/thùng

1.490.000



Công suất 30W - 220V

Kích thước: L167xW36xH220mm/ Trọng lượng: 0.65kg

NLF1303 - 2400lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 12 cái/thùng

440.000

Công suất 50W - 220V

Kích thước: L222xW38xH301mm/ Trọng lượng: 1.1kg

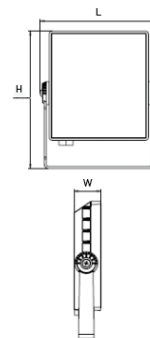
NLF1503 - 4000lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 6 cái/thùng

670.000



ĐÈN BÁN NGUYỆT - Tuổi thọ 30,000 giờ

Chất liệu: Nhựa trắng, viền nhôm

Công suất 18W - 265V - CRI: Ra80

Kích thước: L600xW75xH27mm

NSH183 - 1600lm/ Ánh sáng vàng 3000K

NSH184 - 1600lm/ Ánh sáng trung tính 4000K

NSH186 - 1600lm/ Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

249.000

Công suất 36W - 265V - CRI: Ra80

Kích thước: L1200xW75xH27mm

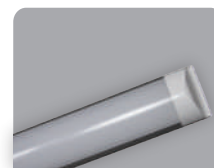
NSH363 - 3000lm/ Ánh sáng vàng 3000K

NSH364 - 3000lm/ Ánh sáng trung tính 4000K

NSH366 - 3000lm/ Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

425.000



ĐÈN LED DÂY



- Điện áp đầu vào: 220V-230V
- Số lượng chip: 120 chip LED/m
- Kích thước: 18x8mm
- Trọng lượng: 9kg
- Chiều dài cuộn: 50m
- Độ bảo vệ: IP65
- Chất liệu: PVC Anti-UV
- Tuổi thọ: 30,000 giờ
- Kèm 1 bộ phụ kiện

Công suất 8W/m, 600lm/m

NST1202 - Ánh sáng vàng 2700K

NST1206 - Ánh sáng trắng 6500K

3.760.000

Công suất 9W/m

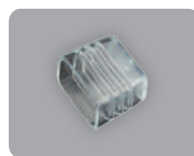
NST120R - Ánh sáng màu đỏ

NST120G - Ánh sáng màu xanh lục

NST120B - Ánh sáng màu xanh dương

4.040.000

Phụ kiện dùng cho LED dây

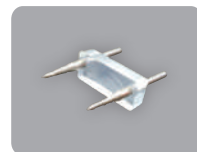


NST-E

Nút bấm - IP44

Đóng gói 50 cái/bịch

1.600

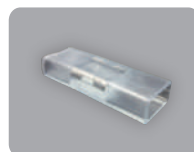


NST-P

Chân cắm nối nguồn

Đóng gói 20 cái/bịch

1.600



NST-MC

Khớp nối giữa - IP44

Đóng gói 10 cái/bịch

11.000



NST-C

Nẹp gắn tường

(Kèm 2 ốc vít)

Đóng gói 20 cái/bịch

1.600



NST-PC

Driver nguồn - IP44 (Max 50m/nguồn)

(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bấm)

Đóng gói 1 cái/bịch

65.000

ĐÈN LED T5/T8 - MĂNG ĐÈN LED T8 - CÁC LOẠI BỘ MĂNG ĐÈN - ĐÈN TRACK LIGHT

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa



Công suất 9W - 220V

NT8T093 - 800lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

99.000

Công suất 9W - 220V

NT8T0931 - 900lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T0961 - 900lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

99.000

Công suất 22W - 220V

NT8T223 - 2200lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T226 - 2200lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

165.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đôi
Dùng cho bóng LED T8 - 220V

NT8F218N

- Dài 1.2m
- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
- Đóng gói: 25 cái/thùng

79.000



Công suất 18W - 220V

NT8T183 - 1600lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

143.000

Công suất 18W - 220V

NT8T1831 - 1800lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T1861 - 1800lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

143.000

MĂNG ĐÈN LED T8



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V

NT8F109N

- Dài 0.6m
- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
- Đóng gói: 25 cái/thùng

50.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V

NT8F118N

- Dài 1.2m
- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
- Đóng gói: 25 cái/thùng

65.000

BỘ MĂNG ĐÈN LED T8



Bộ máng đèn LED Tube T8 loại đơn 9W - 220V

NT8F109N3

- Dài 0.6m
- 1 bóng tuýp T8 9W 900lm - Ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F109N6

- Dài 0.6m
- 1 bóng tuýp T8 9W 900lm - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

149.000



Bộ máng đèn LED Tube T8 loại đơn 18W - 220V

NT8F118N3

- Dài 1.2m
- 1 bóng tuýp T8 18W 1800lm - Ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F118N6

- Dài 1.2m
- 1 bóng tuýp T8 18W 1800lm - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

209.000

MĂNG ĐÈN KÍN NƯỚC LED - IP65



Sử dụng bóng LED Tube T8

N2186WP

- 1800lm - Ánh sáng trắng
- Loại 2 bóng 1.2m (2 x 18W)
- Kích thước: L1270xW102xH155mm
- Đóng gói 1 cái/ hộp, 4 cái/ thùng

938.000

MĂNG ĐÈN BATTEN



Máng đèn Batten đôi 1.2m

NLA42M

- Kích thước: L1227xW100xH85mm
- Đóng gói 8 cái/thùng

295.000



Máng đèn Batten đơn 1.2m

NLA41M

- Kích thước L1227xW55xH80mm
- Đóng gói 8 cái/thùng

195.000

ĐÈN TRACK LIGHT

Đèn Track Light màu trắng

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ - Góc chiếu 38°

Chất liệu: Chóa thủy tinh và thân đèn nhôm bọc nhựa

Công suất: 7W - 220V

Kích thước: Ø60mm/H85mm

NTR073W - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR074W - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR076W - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

399.000



Đèn Track Light màu đen

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ - Góc chiếu 38°

Chất liệu: Chóa thủy tinh và thân đèn nhôm bọc nhựa

Công suất: 7W - 220V

Kích thước: Ø60mm/H85mm

NTR073B - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR074B - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR076B - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

399.000



Công suất: 14W - 220V

Kích thước: Ø85mm/H134mm

NTR143B - 1200lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR144B - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR146B - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

599.000

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN TRẦN



Đèn trần LED

NCL1331 - Ánh sáng vàng 3000K

NCL1331-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 18W/AC200-240V
- Kích thước: Ø280mm/H63mm - Trọng lượng: 1.8kg
- Quang thông: 1226lm - CRI: Ra84
- PF: 0.93 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám, nắp chụp nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 116°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.680.000



Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-73 - Ánh sáng vàng 3000K

NSDL2236-76 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: Ø90mm/H95mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 581lm - CRI: Ra82
- PF: 0.53 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 17°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.210.000



Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-203 - Ánh sáng vàng 3000K

NSDL2236-206 - Ánh sáng trắng 5700K

- Công suất 20W/AC200-240V
- Kích thước: Ø95mm/H105mm - Trọng lượng: 1.0kg
- Quang thông: 1616lm - CRI: Ra83
- PF: 0.53 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 34°

Ánh sáng trắng 5700K

Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000

ĐÈN GẮN TƯỜNG



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2891 - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2891-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L82xW58xH82mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Quang thông: 218lm - CRI: Ra85
- PF: 0.9 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám nhạt
- Góc chiếu: 96°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

860.000



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2553 (Màu trắng) - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2553-6 (Màu trắng) - Ánh sáng trắng 6000K

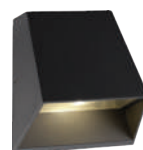
NBL2553S (Màu bạc) - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 9W/AC200-240V
- Kích thước: L109xW63xH173mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 160lm - CRI: Ra80
- PF: 0.93 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng/bạc
- Góc chiếu: 15°/75°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.150.000



NBL2691 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 7W/AC220-240V
- Kích thước: L125xW63xH125mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 389lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 108°

Ánh sáng vàng 3000K

1.050.000



NBL2721 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L220xW130xH55mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng
- Góc chiếu: 126°

Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000



NBL5705 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 18W (86x0.2W)/AC200-240V
- Kích thước: L110xW103xH250mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Quang thông: 801lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu đen
- Góc chiếu: 112°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN GẮN TƯỜNG



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2621 - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2621-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH145mm - Trọng lượng: 0.84kg
- Quang thông: 1116lm - CRI: Ra82
- PF: 0.93 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc
- Góc chiếu: 73°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000



NBL2622 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH95mm - Trọng lượng: 0.64kg
- Quang thông: 577lm - CRI: Ra82
- PF: 0.88 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 72°

Ánh sáng vàng 3000K

1.080.000



NBL1291A - Đèn gắn tường ngoài trời LED

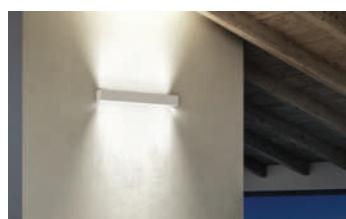
- Công suất: 20W (56x0.64W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L500xW60xH60mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1818lm - CRI: Ra84
- PF: 0.92 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng
- Góc chiếu: 107°

Ánh sáng vàng 3000K

2.370.000

NBL1291 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 36W (56x0.64W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L500xW60xH60mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 2156lm - CRI: Ra84
- PF: 0.99 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng
- Góc chiếu: 107°



Sử dụng chóa phụ



Không sử dụng chóa phụ



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2541 - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2541-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 12W (2x6W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW111xH115mm - Trọng lượng: 1.7kg
- Quang thông: 1139lm - CRI: Ra81
- PF: 0.90 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu xám
- Góc chiếu: 21°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.720.000



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2851 - Ánh sáng vàng 3000K

NBL2851-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L75xW100xH160mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Quang thông: 995lm - CRI: Ra82
- PF: 0.92 - IP54
- Chất liệu: Inox
- Góc chiếu: 37°

Ánh sáng trắng 6000K

Ánh sáng vàng 3000K

1.790.000

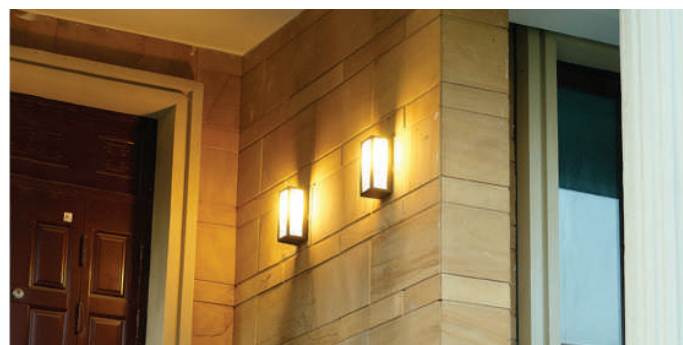


NBL1791 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 7W /AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L222xW165xH282mm - Trọng lượng: 1.6kg
- Quang thông: 555lm - CRI: Ra85
- PF: 0.5 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng
- Góc chiếu: 105°

Ánh sáng vàng 3000K

1.720.000



NBB1466 - Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW160xH290mm - Trọng lượng: 2.6kg
- IP54
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Thủy tinh và nhôm đúc màu đen
- Giá không bao gồm bóng

1.510.000

[*] Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN SÂN VƯỜN



NBB1463 - Đèn gắn trụ ngoài trời dùng bóng

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW140xH350mm - Trọng lượng: 2.5kg
- IP54
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Thủy tinh và nhôm đúc màu đen
- Giá không bao gồm bóng



1.720.000



NGL8434 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 14.62W (86x0.17W)/AC200-240V
- Kích thước: L108xW108xH650mm - Trọng lượng: 2.9kg
- Quang thông: 461lm - CRI: Ra84
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu đen
- Góc chiếu: 270°



Ánh sáng vàng 3000K

2.080.000



NGL2723 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L120xW40xH650mm - Trọng lượng: 2.4kg
- Quang thông: 290lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 45°



Ánh sáng vàng 3000K

1.790.000



NGL8453 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L108xW108xH200mm - Trọng lượng: 0.95kg
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra84
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc
- Góc chiếu: 38°



Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

ĐÈN SPOTLIGHT SÂN VƯỜN

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP2745

9W(1x9W Cree) - 518lm - PF: 0.94

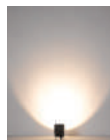
1.370.000

NSP2746

10W(1x10W COB) - 656lm - PF: 0.99

1.290.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L81xW76xH118mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- CRI: Ra83 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chân cắm bằng nhựa
- Góc chiếu: 26°



Ánh sáng vàng 3000K

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1673 - 10W(1x10W) - 613lm

1.510.000

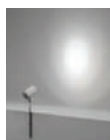
NSP1676 - 15W(1x15W) - 934lm

1.650.000

NSP1679 - 20W(1x20W) - 1283lm

1.720.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W120xH520mm - Trọng lượng: 1.38kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chân cắm bằng nhựa
- Góc chiếu: 41°



Ánh sáng vàng 3000K

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1663 - 10W(1x10W) - 613lm

1.370.000

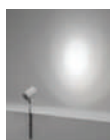
NSP1666 - 15W(1x15W) - 934lm

1.510.000

NSP1669 - 20W(1x20W) - 1283lm

1.580.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W120xH210mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chân cắm bằng nhựa
- Góc chiếu: 41°

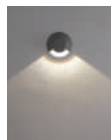


Ánh sáng vàng 3000K



NGL1211 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 67lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 110°



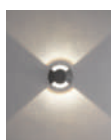
Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000



NGL1212 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 135lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 99°



Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000



NGL1214 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 188lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm
- Góc chiếu: 70°



Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN SÂN VƯỜN



NGL2642 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L125xW125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 24°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000



NGL2641 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 24°

Ánh sáng vàng 3000K

1.310.000

ĐÈN LỐI ĐI



NSL1711 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 8.8W (11x0.8W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L160xW31xH160mm - Trọng lượng: 0.7kg
- Quang thông: 472lm - CRI: Ra83
- PF: 0.97 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc
- Góc chiếu: 53°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000



NSL2102 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L40xW40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 20°

Ánh sáng vàng 3000K

610.000



NSL1713 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 4W (5x0.8W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L95xW31xH95mm - Trọng lượng: 0.3kg
- Quang thông: 185lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc
- Góc chiếu: 52°

Ánh sáng vàng 3000K

790.000



NSL2101 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 20°

Ánh sáng vàng 3000K

570.000

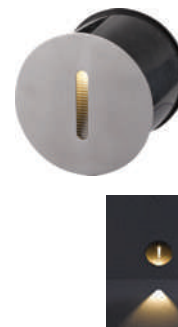


NSL1121A - Đèn LED gắn âm tường chiếu chân

- Công suất: 3.6W (12x0.3W)/AC200-240V
- Kích thước: L107xW65xH75mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Kích thước khoét lỗ: L100xW57xH65mm
- Quang thông: 75lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng
- Góc chiếu: 33°

Ánh sáng vàng 3000K

840.000



NSL2781 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø95xH81mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xH81mm
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 56°

Ánh sáng vàng 3000K

790.000



NSL2782 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L95xW81xH95mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xH81mm
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ
- Góc chiếu: 56°

Warm White 3000K

790.000

MÁY BƠM ĐẨY CAO



GP-129JXX-SV5

(Dây điện 12.5cm)

GP-129JXX-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 30m

1.470.000

1.490.000



GP-200JXX-SV5

(Dây điện 12.5cm)

GP-200JXX-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng

1.870.000

1.890.000



GP-250JXX-SV5

(Dây điện 20cm)

GP-250JXX-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 38m
- Mô tơ dây đồng

2.970.000

2.990.000



GP-350JA-SV5

(Dây điện 30cm)

GP-350JA-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 350W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 45m
- Mô tơ dây đồng

4.400.000

4.420.000



Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm



Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát



Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm



MÁY BƠM TĂNG ÁP



A-130JAK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 32 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m

2.110.000



A-200JAK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m
- Mô tơ dây đồng

2.450.000



A-130JACK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m
- Mô tơ dây đồng

2.540.000



A-130JTX

(Tính năng tạo bọt khí)

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 25m
- Mô tơ dây đồng

3.640.000



GA-125FAK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

- Bơm tăng áp mạch điện tử
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Độ cao đẩy tối đa 27m

2.820.000

MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN



Công suất (W)

Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)

Chiều sâu hút (m)

Độ cao hút đẩy tối đa (m)

Mô tơ dây đồng

Giá bán

GP-10HCN1SVN

740W

10-99

9

34-25

●

5.290.000

GP-15HCN1SVN

1110W

30-145

9

38.7-22

●

7.100.000

GP-20HCN1SVN

1480W

30-154

9

46.2-26

●

8.220.000

Máy bơm Panasonic

Công Nghệ NHẬT BẢN

Chất Lượng HÀNG ĐẦU

BÁN CHAY SỐ 1
Tại Việt Nam(*)

(*) Theo số liệu khảo sát của GfK thực hiện vào tháng 06/2016 tại 5 thành phố lớn và 10 tỉnh thành tại Việt Nam

HIỆU SUẤT MẠNH MẼ - VẬN HÀNH BỀN BỈ

- Vận hành êm ái, tuổi thọ cao
- Tự ngắt nguồn điện khi nhiệt độ bơm quá cao
- Tiết kiệm điện năng
- Giảm thiểu nguy cơ chập điện

MÁY BƠM ĐẦU JET


NJET750

(Dây điện 20cm)

- Công suất 750W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 8m
- Độ cao hút đẩy tối đa 40m
- Mô tơ dây đồng
- Bảo vệ quá nhiệt
- Đường kính ống hút : 32mm
- Đường kính ống xả : 32mm

1.730.000

NCP750

(Dây điện 20cm)

- Công suất 750W
- Lưu lượng nước 90 lít/phút
- Chiều sâu hút 8m
- Độ cao hút đẩy tối đa 28m
- Mô tơ dây đồng
- Bảo vệ quá nhiệt
- Đường kính ống hút : 32mm
- Đường kính ống xả : 32mm

1.780.000

MÁY BƠM LƯU LƯỢNG



	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút / xả (mm)	Chiều sâu hút (m)	Độ cao hút đẩy tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng	Giá bán
NHF750	750W	300	60/60	8	10	●	●	1.680.000
NHF1100	1100W	340	60/60	8	14	●	●	2.480.000
NHF1500	1500W	370	60/60	8	17	●	●	2.600.000

(Dây điện 20cm)

MÁY BƠM NƯỚC NÓNG TĂNG ÁP ĐIỆN TỬ



	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút / xả (mm)	Chiều sâu hút (m)	Độ cao hút đẩy tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng	Giá bán
NSP128-A	128W	30	32/32	8	25	●	●	1.840.000
NSP200-A	200W	36	32/32	8	28	●	●	2.060.000
NSP300-A	300W	38	32/32	8	30	●	●	2.140.000
NSP400-A	400W	40	32/32	8	32	●	●	2.240.000

(Dây điện 1,8m + phích cắm)

*Bom chịu được nước nóng lên đến 100°C

** Bom có cảm biến dòng chảy

*** Cổ bầu áp lực bằng kim loại


Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm


Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát



Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm



MÁY NƯỚC NÓNG KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Loại 3.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 25°C, loại 4.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 20°C

MÁY NƯỚC NÓNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" và 9 tính năng an toàn

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RL2VH

- Công suất: 3.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

2.990.000

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RP2VK

- Công suất: 3.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.990.000



DH-4RL1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.300.000



DH-4RP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Bơm bảo hành 5 năm
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.200.000



DH-4MS1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.600.000



DH-4MP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.500.000

Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp



DH-4NS3VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.900.000



DH-4NP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.800.000



DH-4NS3VS

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.100.000



DH-4NP1VS

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

6.000.000

Cho ngày hạnh phúc thêm tròn vẹn

Hãy để mọi giác quan cảm nhận tròn vẹn sự thư thái sau mỗi ngày bận rộn.



DH-4NS3VS



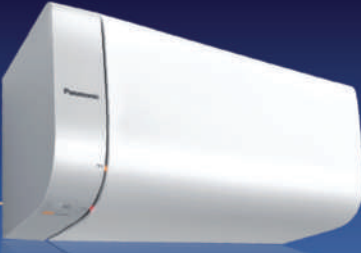
DH-4NTP1VM

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới với vỏ cong thanh lịch, sang trọng
- **Ổn định nhiệt độ nước đầu ra vòi sen**
- Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.900.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP



THẾ HỆ
MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP
HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI

AN TOÀN TUYỆT ĐỐI - TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG



HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI

- Ruột bình được làm từ thép không gỉ sản xuất tại Nhật Bản
- Không có thanh magie



AN TOÀN TUYỆT ĐỐI

- Vỏ máy được làm từ vật liệu chống cháy
- Chống nước đạt tiêu chuẩn IPX4
- Tích hợp cầu dao chống rò rỉ điện ELB
- Tự động ngắt điện khi nhiệt độ đạt 75°C



TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

- Giữ nhiệt tốt nhờ tấm xốp Styrofoam
- Tiết kiệm điện năng lên đến 10%
- Công nghệ đun nóng cao cấp



THIẾT KẾ NHỎ GỌN

- Lắp đặt dễ dàng với cả không gian nhỏ và chật hẹp

Hiệu suất vượt trội

Không có Thanh Magie

Ruột bình làm từ thép không gỉ*

Vật liệu Sản xuất tại Nhật Bản

7 YEAR WARRANTY

STORAGE TANK

Bảo hành: 7 năm* cho Ruột Bình, 2 năm cho bình điện.

Mã sản phẩm		DH-15HAMVW	DH-20HAMVW	DH-30HAMVW
		4.290.000	4.490.000	4.990.000
Thông số kỹ thuật	Dung tích (lít)	15	20	30
	Điện vào (V)	220	220	220
	Công suất (kW)	2.5	2.5	2.5
	Áp lực nước [tối đa] (Mpa)	0.75	0.75	0.75
	Nhiệt độ cao nhất (°C)	75	75	75
	Thời gian đun sôi [xấp xỉ] (phút)	30	40	60
Thân máy	Màu	Trắng	Trắng	Trắng
	Đèn LED báo nước nóng sẵn sàng	•	•	•
	Trọng lượng tịnh (kg)	7	8	10
	Kích thước [Cao x Rộng x Sâu] (mm)	323x437x310	323x526x310	323x704x310
Chất liệu	Ruột bình	Thép không gỉ từ Nhật	Thép không gỉ từ Nhật	Thép không gỉ từ Nhật
	Thanh đốt	Đồng	Đồng	Đồng
	Chống nước	•	•	•
	Vật liệu cách điện	Mút Styrofoam	Mút Styrofoam	Mút Styrofoam
An toàn	Tích hợp sẵn ELB chống giật	•	•	•
	Tự động ngắt nhiệt	•	•	•
	Ruột bình bằng thép không gỉ	•	•	•
	Vỏ thân máy chống tia nước phun	IPX4	IPX4	IPX4
	Cấu trúc cách điện	•	•	•
	Tuân thủ chất liệu không bắt lửa	•	•	•

MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer



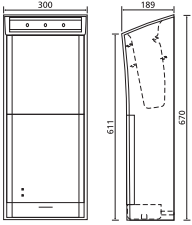
FJ - T10T1

- Giúp sấy khô nhanh trong 3 - 5 giây với chức năng sấy từ 2 mặt bên và 4 vòi phun
- Công suất 1250W
- Thiết kế sang trọng, hiện đại với màn lọc chống dị ứng và lớp vỏ ngoài kháng khuẩn
- Chế độ gió thường và gió nóng
- Có thể chọn tốc độ gió cao và thấp (High/Low), độ ồn 59dB
- Máy sẽ tự động tắt sau 30 giây hoạt động liên tục
- Đèn LED tín hiệu
- Tiết kiệm điện hiệu quả



FJ - T09A3 (Có khay nước)

- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 120m/phút
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè



19.500.000



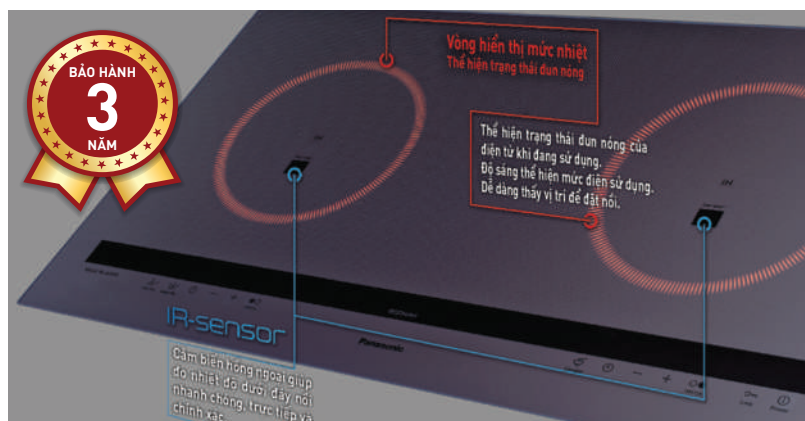
FJ - T09B3 (Không có khay nước)

- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 120m/phút
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

5.990.000

48

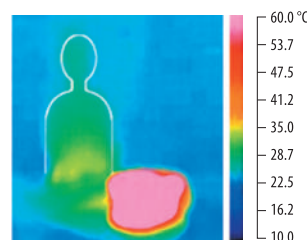
BẾP ĐIỆN TỬ



Các tính năng an toàn

Dừng làm nóng	- Không có nồi/Không người thao tác: Tắt sau 1 phút - Nồi quá nhỏ: Tắt sau 3 phút - Nồi không có nước: Tắt sau 15 phút - Không hoạt động trong thời gian dài: Tắt sau 45 phút
Công suất làm nóng giảm	- Ngăn chặn quá nhiệt - Công suất làm nóng được giảm tự động khi đáy của dụng cụ nấu quá nóng
Nguồn chính tắt	- Tự động ngắt nguồn - Nguồn chính sẽ tự động tắt nếu hết 1 phút mà không có hoạt động nào
Đèn sáng khi mặt trên nóng	Cảnh báo nhiệt độ cao
Khóa tất cả các hoạt động	Khóa trẻ em

Bếp không bị nóng



Gian bếp không bị nóng vì bếp từ chỉ làm nóng dụng cụ nấu ăn. Và việc không dùng lửa có nghĩa là bạn có thể thoải mái mở cửa sổ và tận hưởng gió mát.



Thiết kế cuộn kép

Cấp điện đồng thời cho cả cuộn trong và cuộn ngoài, giúp tạo nhiệt độ đồng đều và ổn định.

Điều chỉnh nhiệt độ chính xác theo cách nấu ăn



Mã sản phẩm	KY-C227E 27.500.000	KY-A227E 26.500.000
Màu mặt trên	Xám	Đen
Màu thân	Đen	Đen
Kích thước (mm)	742(R)*400(S)*107(C)	742(R)*400(S)*99(C)
Kích thước cửa lỗ (mm)	710(R)*368(S)	
Điện vào	3,200W - 16A	
Công suất (tối đa)	Trái 3,200W Phải 3,200W	Trái 3,200W Phải 3,200W
Cấp độ điều chỉnh nhiệt	9	9
Cảm biến hồng ngoại	•	•
Thực đơn nấu tự động	Rán chảo ít dầu/ Rán chảo nhiều dầu	Nấu cháo
Vòng hiển thị mức nhiệt	•	•
Tăng công suất tối đa	-	-
Công nghệ ECONAVI	•	-
Điều khiển	Cảm ứng	Cảm ứng
Hiển thị mức nhiệt	Số	Số
Khóa an toàn	•	•
Đèn báo nhiệt độ cao	•	•
Chế độ tự động tắt	•	•
Hẹn giờ	1 phút đến 9 giờ 30 phút	
Lắp đặt	Lắp âm/Lắp nổi	Lắp âm
Xuất xứ	Nhật Bản	Nhật Bản

MỚI Tính Năng Mới

CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI

Cảm biến hồng ngoại giúp đo nhiệt độ dưới đáy nồi nhanh chóng, trực tiếp và chính xác.

Chảo

Mặt bếp bằng thủy tinh

IR-sensor



Xác định chính xác nhiệt độ dưới đáy nồi nhờ cảm biến hồng ngoại.

ECONAVI



CHÍNH XÁC Chương trình điều khiển tăng nhiệt độ nhanh chóng và chính xác theo yêu cầu, duy trì ở mức mong muốn.



ỔN ĐỊNH Đem lại màu nâu sậm đồng nhất cho món ăn.



DUY TRÌ Khi thức ăn trong nồi nguội đi, bếp tăng nhiệt nhanh chóng để duy trì nhiệt độ ở mức cần thiết.

QUẠT HÚT MÙI DÙNG ỐNG DẪN - 02 động cơ

Model	FV-70HQ1-S (màu bạc)	FV-70HQ1-GO (màu vàng kim)
Công suất (W)		140
Lưu lượng gió (CMH)		730
Độ ồn (dB)		53
Đường kính lỗ trần (ø)		15 cm
Cấp tốc độ		2
Kích thước (mm)	700(L) x 120(H) x 535(D)	
Điều khiển bằng	Cần gạt	
2 động cơ	Hoạt động độc lập	
		6.900.000



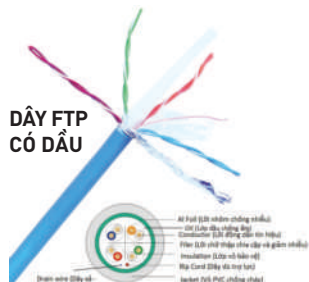
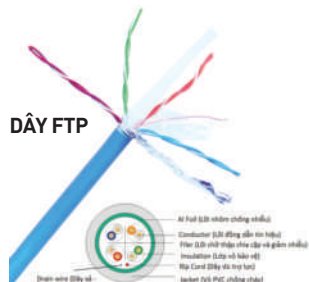
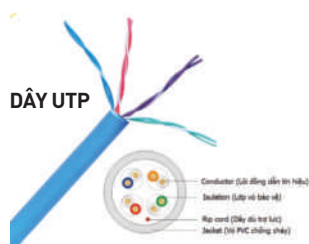
Chiều dài 70cm

Model	FV-70HQD1-S (màu bạc)	FV-70HQD1-GO (màu vàng kim)
Công suất (W)		140
Lưu lượng gió (CMH)		730
Độ ồn (dB)		53
Đường kính lỗ trần (ø)		15 cm
Cấp tốc độ		3
Kích thước (mm)	700(L) x 120(H) x 535(D)	
Điều khiển bằng	Nút nhấn	
2 động cơ	Hoạt động đồng thời	
		7.780.000



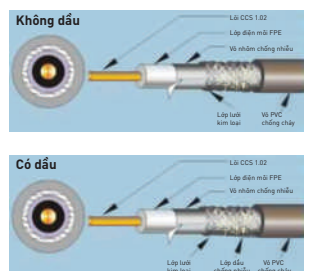
Chiều dài 70cm

DÂY CÁP MẠNG



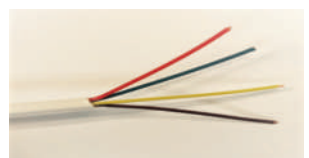
Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây đủ trọng lực	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.51mm 4 Pairs 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.51 CCA	PE 0.91	Có	PVC 5.1	720.000
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.51 CCA	PE 1.00	Có	PVC 5.1	920.000
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	2.500.000
NC5E-F100P	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 24 AWG - Pass fluke test Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xám **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	3.250.000
NC5E-F100 O	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, có dây, 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	2.950.000
NC6-U10	CAT6 UTP 0.56 mm 4 Pairs 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.56 CCA	PE 1.02	Có	PVC 6	980.000
NC6-F10	CAT6 FTP 0.56 mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 CCA	PE 1.00	Có	PVC 6.6	1.230.000
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	3.250.000
NC6-F100P	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG - Pass fluke test Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xám **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	4.000.000
NC6-F100 O	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, Có dây - 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	3.850.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỰC



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 80x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	620.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	650.000
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - có dây Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lã nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	955.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BẢO CHÁY



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	0.5 CCA	PVC	PVC	450.000

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

Xuất xứ: Taiwan



FKPT10	10YDS	60.000/cây
FKPT20	20YDS	107.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng



ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG THẲNG

Công nghệ châu Âu TCVN7417-1:2010

IEC61386_1:2008

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BSEN61386-21:2004 (IEC6138 - 1:2002)

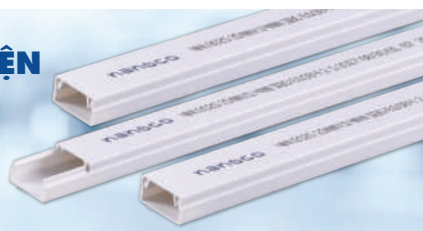


Ống luồn dây điện dạng thẳng

Mã số	Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Lực nén (N)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
FPC16L	Ø16	0.9 ± 0.1	320	50	17.000
FPC20L	Ø20	1.1 ± 0.1	320	50	22.000
FPC25L	Ø25	1.3 ± 0.1	320	25	33.500
FPC32L	Ø32	1.6 ± 0.1	320	20	52.000
FPC16	Ø16	1.4 ± 0.1	750	50	19.000
FPC20	Ø20	1.55 ± 0.1	750	50	25.000
FPC25	Ø25	1.65 ± 0.1	750	25	37.000
FPC32	Ø32	2.0 ± 0.1	750	20	59.000
FPC16H	Ø16	1.6 ± 0.1	1250	50	25.000
FPC20H	Ø20	1.9 ± 0.1	1250	50	33.000
FPC25H	Ø25	2.0 ± 0.1	1250	25	47.000
FPC32H	Ø32	2.2 ± 0.1	1250	20	95.000
FPC40H	Ø40	2.4 ± 0.1	1250	10	125.000
FPC50H	Ø50	2.7 ± 0.1	1250	10	165.000

Ghi chú: Độ dài 2.92m/cây.

NẠP LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG VUÔNG



Nạp luồn dây điện dạng vuông

Mã số	Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNV1715	15x9	0.7 ± 0.1	50	7.300
NNV1720	20x10	0.7 ± 0.1	50	9.700
NNV1725	25x14	0.9 ± 0.1	50	15.000
NNV1730	30x16	1.0 ± 0.1	50	19.000
NNV1740	40x18	1.2 ± 0.1	25	28.000
NNV1750	50x35	1.4 ± 0.1	10	63.000

Ghi chú: Độ dài 1.7m/cây.

Khớp nối tròn



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0116	Khớp nối tròn Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 2,000 cái/thùng	800
NPA0120	Khớp nối tròn Ø20 Đóng gói 200 cái/thùng	1.100
NPA0125	Khớp nối tròn Ø25 Đóng gói 100 cái/thùng	1.800
NPA0132	Khớp nối tròn Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.300
FPA0140	Khớp nối tròn Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	6.600
FPA0150	Khớp nối tròn Ø50 Đóng gói 20 cái/bao	8.800

Ống luồn dây điện dạng xoắn

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BS EN 61386-22:2004 + A11:2010

"Ống luồn dây PVC chống cháy, chống dập
PVC flexible resist fire - resist broken"

Màu trắng	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16W	16mm (50m/cuộn)	140.000
	FRG20W	20mm (50m/cuộn)	180.000
	FRG25WS	25mm (40m/cuộn)	200.000
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	250.000



Màu xanh	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	180.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	240.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	265.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	260.000



Kẹp ống không đế Omega - Đóng gói 100 cái/bao

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NDI16012	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø20	3.000
NDI16034	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø25	3.500
NDI16100	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø32	5.000
NDI16114	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø40	6.500
NDI16112	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø50	8.000



Đầu giảm

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16 Đóng gói 100 cái/bao	1.100
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20 Đóng gói 100 cái/bao	1.900
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25 Đóng gói 50 cái/bao	3.200
FPA4032	Đầu giảm 40 - 32 Đóng gói 40 cái/bao	6.600
FPA5040	Đầu giảm 50 - 40 Đóng gói 30 cái/bao	8.800



Đầu và khớp nối ren

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA02162	Đầu và khớp nối ren Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 1,200 cái/thùng	2.500
NPA02202	Đầu và khớp nối ren Ø20 Đóng gói 100 cái/bao, 1,000 cái/thùng	2.800
NPA02252	Đầu và khớp nối ren Ø25 Đóng gói 50 cái/bao, 500 cái/thùng	3.100
NPA02322	Đầu và khớp nối ren Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.000



Nắp đậy hộp nối tròn

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA2620	Nắp đậy hộp nối tròn, vít Đóng gói 60 cái/bao, 1,500 cái/thùng	1.700
NPA2720F	Nắp đậy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.300



T nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói 25 cái/bao	6.600
FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói 10 cái/bao	9.900
FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói 10 cái/bao	13.500

T nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao 1,000 cái/thùng	1.900
NPA0420	T nối cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao 400 cái/thùng	3.700
NPA0425	T nối cho ống Ø25 Đóng gói 25 cái/bao 250 cái/thùng	5.500
NPA0432	T nối cho ống Ø32 Đóng gói 15 cái/bao 150 cái/thùng	7.700
FPA0440	T nối cho ống Ø40 Đóng gói 10 cái/bao	10.000
FPA0450	T nối cho ống Ø50 Đóng gói 10 cái/bao	12.000

Đầu nối ống mềm PVC



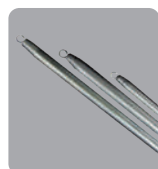
Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16 Đóng gói 100 cái/bao	9.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói 100 cái/bao	13.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói 50 cái/bao	18.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói 50 cái/bao	27.000

Kẹp đỡ ống



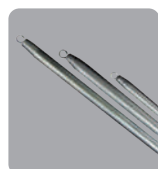
Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/bao; 3,000 cái/thùng	900
NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/bao; 3,000 cái/thùng	1.100
NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/bao; 2,000 cái/thùng	1.900
NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	2.800
FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/bao	3.900

Lò xo uốn ống 750N



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016M FLXU016M2	Lò xo uốn ống Ø16 - 750N	40.000
FLXU020M2	Lò xo uốn ống Ø20 - 750N	65.000
FLXU025M2	Lò xo uốn ống Ø25 - 750N	73.000
FLXU032M FLXU032M2	Lò xo uốn ống Ø32 - 750N	107.000

Lò xo uốn ống 320N



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016L FLXU016L2	Lò xo uốn ống Ø16 - 320N	40.000
FLXU020L FLXU020L2	Lò xo uốn ống Ø20 - 320N	65.000
FLXU025L FLXU025L2	Lò xo uốn ống Ø25 - 320N	73.000
FLXU032L FLXU032L2	Lò xo uốn ống Ø32 - 320N	107.000

Co nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co nối có nắp Ø20 Đóng gói 50 cái/bao	4.400
FPA0325C	Co nối có nắp Ø25 Đóng gói 40 cái/bao	7.200
FPA0332C	Co nối có nắp Ø32 Đóng gói 20 cái/bao	11.000

Co nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1,500 cái/thùng	1.400
NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.200
NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.300
NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.500
FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	8.800
FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói 15 cái/bao	11.600

Hộp nối 1 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	6.600
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.200
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	7.700
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã thẳng - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	6.600
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.200
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	7.700
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã vuông - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	6.600
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.200
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	7.700
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.000

Hộp nối 3 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	6.600
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.200
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	7.700
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 4 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	6.600
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.200
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	7.700
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32 Đóng gói 30 cái/thùng	10.000

INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Made in Austria

Phích cắm cao su di động không kín nước (Plug (Splashproof))



F0511 - S

- Rubber plug (Splashproof)
- phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44

81.000



F0511 - SR

- Rubber plug (Splashproof)
- phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP54

* Dự kiến có hàng tháng 03/2020

81.000



F0512 - S

- Solid rubber plug (Splashproof)
- phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44, chịu va đập

113.000



F0512 - SR

- Solid rubber plug (Splashproof)
- phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP54, chịu va đập

* Dự kiến có hàng tháng 03/2020

113.000



F2510 - S

- Rubber connector (Splashproof)
- ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP20

82.000



F2510 - SR

- Rubber connector (Splashproof)
- ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP20

* Dự kiến có hàng tháng 03/2020

82.000



F1050 - 0B

- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54



F106 - 0

- Mouting box (Splashproof IP44)
- Đế nối cho ổ cắm âm không kín nước

88.000

Ổ cắm chia 3 ngã loại không kín nước (IP44) (Mutiple-socket outlet (Splashproof IP44))



F9432006

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.350.000



F9432000

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.170.000



F9430401

Bộ chia ổ cắm PCE
16A 3P 230V

1.000.000

Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67) (Switched interlocked sockets (Watertight IP67))



F61132 - 6

16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.600.000



F61252 - 6

32A - 5P - 400V - 6H - IP67

1.790.000



F75252-6

32A - 5P - 400V - 6H - IP67

3.070.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) (Plug (Splashproof IP44))



F013 - 6ECO

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

70.000



F014 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

100.000

F015 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

112.000

F023 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

125.000

F024 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

132.000

F025 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) (Connector (Splashproof IP44))



F213 - 6ECO

16A - 3P - 230V - 6H - IP44

100.000



F214 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

125.000

F215 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

155.000

F223 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

152.000

F224 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

175.000

F225 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

222.000

Ổ cắm gắn nối loại không kín nước (IP44) (Wall socket (Splashproof IP44))



F113 - 6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

135.000

F114 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

165.000

F115 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

175.000

F123 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

187.000

F124 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

197.000

F125 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

211.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) (Flanged socket straight (Splashproof IP44))



F313 - 6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

140.000

F314 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

156.000

F315 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

F323 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

175.000

F324 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

180.000

F325 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

207.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) (Flanged socket sloping (Splashproof IP44))



F413 - 6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

157.000

F414 - 6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

185.000



F415 - 6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

206.000

F423 - 6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

245.000

F424 - 6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

270.000

F425 - 6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

295.000

**Phích cắm di động loại kín nước (IP67)
Plug (Watertight IP67)**

	F0132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	265.000
	F0142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	280.000
	F0152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
	F0232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
	F0242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	345.000
	F0252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	365.000
	F033 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	740.000
	F034 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	760.000
	F035 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	785.000
	F043 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.420.000
	F044 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.670.000
	F045 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.910.000
	F0822 - 10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	282.000

**Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)
Connector (Watertight IP67)**

	F2132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
	F2142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	310.000
	F2152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000
	F2232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	400.000
	F2242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	410.000
	F2252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	445.000
	F233 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	890.000
	F234 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	910.000
	F235 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	930.000
	F243 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.950.000
	F244 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.060.000
	F245 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.210.000
	F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	353.000

**Ổ cắm gắn nối loại kín nước (IP67)
Wall socket (Watertight IP67)**

	F1132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	407.000
	F1142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
	F1152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	515.000
	F1232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	550.000
	F1242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	590.000
	F1252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	625.000
	F133 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	980.000
	F134 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.080.000
	F135 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.180.000
	F143 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.400.000
	F144 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.550.000
	F145 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.700.000

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)
Flanged socket straight (Watertight IP67)**

	F3132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
	F3142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	375.000
	F3152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	400.000
	F3232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
	F3242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	430.000
	F3252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000
	F333 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	590.000
	F334 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
	F335 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
	F343 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.570.000
	F344 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.680.000
	F345 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.780.000

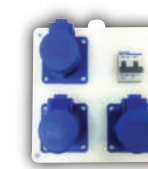
**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)
Flanged socket sloping (Watertight IP67)**

	F4132 - 6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
	F4142 - 6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
	F4152 - 6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	275.000
	F4232 - 6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
	F4252 - 6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000
	F433 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
	F433 - 6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
	F434 - 6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
	F435 - 6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
	F443 - 6	125A - 3P - 400V - 6H - IP66/67	1.520.000
	F444 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.670.000
	F445 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.860.000

**Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước
Container - Plug and Socket (Watertight IP67)**

	F0242 - 3V	Phích cắm - Plug 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	272.000
	F1242 - 3V	Ổ cắm nối - Wall socket 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	795.000
	F2242 - 3V	Ổ cắm nối - Connector 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	390.000
	F3242 - 3V	Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng Flanged socket straight 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	460.000

Bộ tủ điện phân phối

	NDB313-232	Tủ điện phân phối IP44 1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm <i>Có ráp bộ theo yêu cầu của khách hàng</i>	875.000
	NDB313	Tủ điện phân phối IP44 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm	590.000

Có thể sử dụng **HỘP NỐI DÂY** làm để **TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI**

NPA20065V

[*] Tham khảo thêm các loại **HỘP NỐI DÂY** trang 12

nanoco Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)

	NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	240.000
	NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	250.000
	NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	285.000
	NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	300.000
	NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	300.000
	NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	310.000
	NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	355.000
	NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	370.000
	NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	345.000
	NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	360.000
	NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	400.000
	NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	420.000

SHOWROOM MỚI

675 - 677 Điện Biên Phủ, P.25, Q.Bình Thạnh, HCM

Hoạt động từ 01/10/2019

 **19006711**



Zalo



Youtube



Website Nanoco



Website Panasonic



MINERVA

T.1



HALUMIE

T.2



WIDE SERIES

T.3-6



REFINA

T.7-8



FULL-COLOR

T.9



GEN-X

T.10



Ổ CẮM CÓ DÂY/ÂM SÀN CHUÔNG ĐIỆN

T.11



TỦ ĐIỆN

T.12



HỘP NỐI, HỘP ẨM

T.13



CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

T.14



CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN

T.15



MCCB / ELB / HB

T.16



QUẠT HÚT

T.17-18



QUẠT TRẦN

T.19-20



QUẠT ĐIỆN

T.21-22



MÁY LỌC KHÔNG KHÍ

T.23



LED DOWNLIGHT

T.24-26 & 36-37



ĐÈN TRẦN LED

T.27-30



ĐÈN TREO BÀN ĂN

T.30-31



ĐÈN TRANG TRÍ/ ĐÈN TƯỜNG

T.32



ĐÈN BÀN LED

T.33-34



ĐÈN PHA FLOOD LIGHT/ LED ỐP TRẦN/ LED DÂY

T.35-39



MĂNG ĐÈN/ BÓNG ĐÈN LED T8

T.40



ĐÈN TRANG TRÍ NGOÀI TRỜI LED

T.41-44



MÁY BƠM

T.45-46



MÁY NƯỚC NÓNG

T.47-48



BẾP ĐIỆN TỬ

T.49



DÂY CÁP/ BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

T.50



ỐNG THẲNG & ỐNG MỀM PHỤ KIỆN

T.51-52



PCE

T.53-54